

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~2207~~ /QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 06 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình hành động
thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2390/BTTTT-THH ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua “Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2020-2022, định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 59/TTr-STTTT ngày 23 tháng 7 năm 2021 về phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính và Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTr.Tỉnh ủy, TTr.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, STTTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH 




Nguyễn Văn Thọ



CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính**
(Kèm theo Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Chương trình hành động với các nội dung như sau:

I. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, TRIỂN KHAI XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Phụ lục 1)

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, Bà Rịa - Vũng Tàu cơ bản hoàn thiện chuyển đổi số và hình thành mô hình đô thị thông minh; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân; kinh tế số trở thành nền tảng cốt lõi thúc đẩy kinh tế phát triển mạnh mẽ và xây dựng xã hội an toàn, nhân văn, thịnh vượng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Đến cuối năm 2021, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và tích hợp lên Cổng Dịch vụ công tỉnh, kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Đến năm 2025, đạt 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính; tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đúng hẹn đạt 98%.

- 90% hồ sơ công việc ở cấp tỉnh, 80% ở cấp huyện và 60% ở cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên hệ thống thông tin Báo cáo của tỉnh và

kết nối, chia sẻ dữ liệu số với hệ thống thông tin Báo cáo của Chính phủ, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Kho dữ liệu dùng chung và Hệ sinh thái dữ liệu mở của tỉnh được kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Đăng ký doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm để phục vụ phát triển chính quyền số, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội. 60% hệ thống thông tin của các sở, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

- Trên 50% hoạt động kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về mức độ chuyển đổi số theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông thông qua Bộ chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh.

- Kinh tế số chiếm trên 20% GRDP. Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt trên 10%. Năng suất lao động hàng năm tăng trên 7%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang đạt 90%. Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh, Internet, hướng đến tỷ lệ điện thoại thông minh/100 dân đạt 100%. Trên 50% dân số và 100% doanh nghiệp có tài khoản thanh toán điện tử.

- Cơ bản hoàn thành một số nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng đô thị thông minh của tỉnh, thông minh hóa các ứng dụng trong quản lý, điều hành và các ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp và du khách. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ chính quyền số. Từng bước chuyển quản lý đô thị từ truyền thống sang quản lý trên dữ liệu số.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính; tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đúng hẹn đạt trên 98%.

- 100% hồ sơ công việc ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Hình thành đầy đủ nền tảng dữ liệu của đô thị thông minh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Dữ liệu được thu thập, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- 80% hoạt động kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.



- Kinh tế số chiếm trên 30% GRDP. Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt trên 20%. Năng suất lao động hàng năm tăng trên 8%.

- Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang và dịch vụ mạng di động 5G toàn tỉnh. Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 80%.

- Cơ bản hoàn thành các nội dung trọng tâm trong chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bà Rịa - Vũng Tàu tiệm cận được với các đô thị thông minh trong khu vực và trên thế giới dựa trên 6 lĩnh vực chủ yếu: Nền kinh tế thông minh; Quản trị thông minh; Môi trường thông minh; Giao thông thông minh; Cư dân thông minh; Cuộc sống văn minh và một số lĩnh vực khác.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Phát triển nền móng cho chuyển đổi số

a) Chuyển đổi nhận thức

- Chuyển đổi nhận thức phải bắt đầu từ nhận thức của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị về sứ mệnh, sự cần thiết, tính cấp bách của chuyển đổi số:

+ Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp bách của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số bằng các hình thức:

+ Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

+ Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thanh cơ sở...

+ Tổ chức tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số, chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp. Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

- Lựa chọn một xã/phường/thị trấn để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như: truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

b) Phát triển hạ tầng số

- Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng trong tỉnh một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho Chương trình Chuyển đổi số và mô hình đô thị thông minh. Đến cuối năm 2023, chuyển đổi toàn bộ mạng diện rộng và hệ thống thông tin của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sang sử dụng giao thức Internet thế hệ mới IPv6.

- Xây dựng Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh có năng lực tính toán cao, kết nối đồng bộ, hoạt động tin cậy, ổn định, dựa trên công nghệ điện toán đám mây và kiến trúc siêu hội tụ, đạt chuẩn tối thiểu Tier 3, nhằm phục vụ các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh. Thuê dịch vụ đối với các dữ liệu cần lưu trữ lâu dài và dự phòng thảm họa.

- Xây dựng hạ tầng IoT và triển khai tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như: môi trường, giao thông, an ninh trật tự, năng lượng, nước, quản lý đô thị,... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lắp.

c) Phát triển nền tảng số

- Tiếp tục triển khai mở rộng, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Xây dựng Nền tảng đô thị thông minh (SCP) đáp ứng Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm tích hợp với các hệ thống thông tin đang vận hành hoặc sẽ xây dựng trong tương lai.

- Triển khai các nền tảng từ Trung ương như: Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia (NIXA); Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia; Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động; Nền tảng QR Code liên thông; các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên... và các nền tảng khác theo Danh mục nền tảng phục vụ chuyển đổi số quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

d) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh, kết nối với các hệ thống an toàn, an ninh mạng quốc gia.



- Xây dựng quy trình, quy chế vận hành và thực hiện kiểm tra, đánh giá các hệ thống thông tin của tỉnh nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh mạng, các đánh giá rủi ro trong quá trình giám sát hệ thống, các cảnh báo sớm phát hiện tấn công vào hệ thống.

- Tùy vào ngành nghề hay nhóm đối tượng tham gia quá trình chuyển đổi số, nghiên cứu xây dựng quy định mức độ tuân thủ các chuẩn mực quốc gia hay quốc tế về an toàn, an ninh mạng.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an toàn, an ninh mạng đến cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp chuyển đổi số, đồng thời triển khai cập nhật theo định kỳ hằng năm.

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở duy trì, phát huy vai trò của tổ chuyên trách an toàn thông tin, đội ứng cứu sự cố và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ an toàn thông tin, kết hợp với nhân sự phụ trách công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Hoàn thiện mô hình bảo đảm an toàn thông tin mạng bốn lớp; tham gia các chiến dịch đảm bảo an toàn thông tin mạng và mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động, điều phối.

- Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp lớn trong nước nghiên cứu và triển khai các kết quả nghiên cứu, các công nghệ mới về an toàn, an ninh mạng, tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin của tỉnh. Hợp tác với các cơ quan, tổ chức an toàn thông tin trong và ngoài nước để hình thành mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin rộng khắp.

đ) Phát triển nguồn nhân lực

- Bổ sung chức năng, nhiệm vụ tham mưu về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông và phòng chuyên môn tương ứng ở cấp huyện. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công nghệ thông tin ở từng cơ quan, đơn vị để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số.

- Xây dựng, tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nhờ tận dụng công nghệ số và thông tin, dữ liệu được cung cấp đầy đủ.

- Lựa chọn, đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên trách về công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước về chuyển đổi số cho các ngành, lĩnh vực, địa phương; đội ngũ này tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ, công chức, viên chức ở cơ quan, đơn vị mình và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số trong tỉnh.

- Tổ chức các khóa học, trao đổi về chuyển đổi số với doanh nghiệp, trước hết là những người chịu trách nhiệm của doanh nghiệp; đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp nhằm tăng năng suất lao động và đáp ứng được các nhu cầu phát triển của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch đưa chương trình chuyển đổi số vào đào tạo về kiến thức, kỹ năng số cho các cấp học.

- Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách đãi ngộ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin chất lượng cao. Xây dựng kế hoạch thu hút, tuyển dụng chuyên gia, người giỏi trong lĩnh vực công nghệ thông tin về công tác tại các cơ quan nhà nước nhằm tăng cường nguồn nhân lực cho Chương trình Chuyển đổi số và Đề án phát triển Đô thị thông minh của tỉnh.

e) Hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo, đào tạo về chuyển đổi số và định hướng xây dựng chính quyền số với các tỉnh và các nước tiên tiến trên thế giới.

- Các tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trên cả nước và trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ mới, mô hình mới.

2. Phát triển chính quyền số

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 và triển khai Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

a) Phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tích hợp các dịch vụ theo hướng tập trung phục vụ người dân và doanh nghiệp; các ứng dụng, dịch vụ công trực tuyến của tỉnh chỉ cần sử dụng một tài khoản đăng nhập.

- Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân. Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; tận dụng các kênh xã hội để tương tác và gia tăng sự tham gia của người dân. Thông tin hướng dẫn sử dụng các ứng dụng, dịch vụ được cung cấp đầy đủ, thuận tiện truy cập.



- Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công của tỉnh kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; đưa toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 3, 4; thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

- Người dân và doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần, các cơ quan nhà nước phải chia sẻ dữ liệu với nhau, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp nhiều lần. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước

- Ứng dụng công nghệ số để xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, quy định tốt hơn; để cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn và nhanh hơn.

- Xây dựng, hoàn thiện phần mềm ứng dụng và cơ sở dữ liệu tại các cơ quan, đơn vị; thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin nội bộ và với các hệ thống thông tin khác nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đảm bảo kết nối, chia sẻ với phần mềm Một cửa điện tử và Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin Báo cáo của tỉnh kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin Báo cáo của Chính phủ, bảo đảm phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền các cấp theo thời gian thực.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Ứng dụng khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ ra quyết định dựa trên xử lý dữ liệu lớn và dữ liệu tích hợp toàn tỉnh. Triển khai mô hình công sở điện tử, áp dụng công nghệ để kiểm soát toàn diện từ quản lý hành chính cho đến quản lý công việc, tạo thuận lợi cho hoạt động kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. Triển khai các hệ thống làm việc từ xa phù hợp cho từng đối tượng, hoàn cảnh khác nhau.

- Các cơ quan, đơn vị áp dụng các nền tảng phục vụ chuyển đổi số quy mô quốc gia được triển khai từ trung ương đến địa phương và chủ động đề xuất giải pháp, ứng dụng chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

c) Triển khai Kho dữ liệu dùng chung

- Triển khai cơ sở dữ liệu Dân cư và cơ sở dữ liệu Hộ tịch, trên cơ sở đó phát triển mở rộng tích hợp các dữ liệu liên quan đến người dân như: y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội,...

- Thực hiện tích hợp cơ sở dữ liệu về Đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu về Thuế, cơ sở dữ liệu về Xuất nhập khẩu, hình thành một cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp thống nhất của tỉnh.

- Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu Đất đai; xây dựng các cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường theo lộ trình được ban hành tại Quyết định số 2178/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tổ chức khai thác Kho dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thông qua các nền tảng, dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

d) Cung cấp dữ liệu mở

- Cung cấp thông tin, chia sẻ tài nguyên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp sử dụng, giúp doanh nghiệp và người dân chủ động tìm kiếm, sử dụng, cập nhật dữ liệu và thông tin để phục vụ cho cuộc sống, công việc kinh doanh và đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng sống và khuyến khích người dân tích cực tham gia giám sát, quản lý các mặt hoạt động của chính quyền, xã hội.

- Doanh nghiệp tham gia hoạt động sử dụng dữ liệu mở để tạo ra sản phẩm giá trị mới đóng góp cho hệ sinh thái ứng dụng của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế tri thức, xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp.

đ) Số hóa và sử dụng dữ liệu hiệu quả trong hoạt động của chính quyền

- Thực hiện số hóa, bổ sung, cập nhật đầy đủ, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý tại các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố; đặc biệt là cơ sở dữ liệu nền tảng như: người dân, cán bộ công chức, doanh nghiệp; dữ liệu lưu trữ lịch sử, lưu trữ cơ quan, kết quả thủ tục hành chính và dữ liệu chuyên ngành.

- Xây dựng hệ thống quản lý, điều hành và khai thác văn bản bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp chính quyền của tỉnh, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia và các nguồn văn bản hành chính của các cơ quan nhà nước. Các hồ sơ điện tử về dịch vụ công cần được quản lý bằng các hệ thống quản lý hồ sơ.



- Xây dựng hệ thống thu thập và tổ chức số hóa, lưu trữ các báo cáo của tỉnh và các địa phương. Xây dựng hệ thống tự động phân tích văn bản, báo cáo và đưa ra các nhận định, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời.

3. Phát triển kinh tế số

a) Hỗ trợ phát triển thương mại điện tử

- Triển khai thực hiện Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức các sự kiện thương mại điện tử thường niên mang tính kích cầu và mở rộng cho hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới; tạo môi trường cho các tổ chức, doanh nghiệp quảng bá sản phẩm và môi trường cho các mô hình thương mại điện tử tiên tiến để người tiêu dùng trải nghiệm, xây dựng thói quen, kỹ năng thương mại điện tử mới. Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới.

- Xây dựng gian hàng “Made Bà Rịa - Vũng Tàu” trên một số sàn thương mại điện tử lớn của Việt Nam và thế giới.

- Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Thúc đẩy việc áp dụng Nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistics.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ thực thi pháp luật về thương mại điện tử thông qua việc thường xuyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng thương mại điện tử. Bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử dành cho hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Trang bị các phương tiện hiện đại để hỗ trợ việc theo dõi, giám sát, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm các hoạt động thương mại điện tử; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm và công khai kết quả trên mạng Internet đối với những trường hợp có đơn thư khiếu nại, tố cáo của người tiêu dùng.

b) Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số. Từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp trên cơ sở tự đánh giá lại phương pháp sản xuất, kinh doanh, đánh giá lại chuỗi giá trị, mô hình kết nối với khách hàng để tự chuyển đổi phương pháp sản xuất, kinh doanh của mình theo phương thức mới.

- Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp theo Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có giải pháp về nguồn vốn, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và

vừa và quan trọng nhất là chính sách cho phép doanh nghiệp sử dụng quỹ khoa học công nghệ của mình một cách thuận lợi để thực hiện chuyển đổi số.

- Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo ra các mô hình sản xuất mới hiệu quả hơn và từng bước chuyển dịch sang phương thức sản xuất mới.

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các hiệp hội thuộc các ngành khác nhau để tranh thủ sự hỗ trợ, giới thiệu, chia sẻ các bài học và kinh nghiệm của doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi số trên thế giới và trong nước.

c) Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Tập trung xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp hướng đến mục tiêu hỗ trợ, hoạch định chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về công nghệ số, các mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng ngành, lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Ưu đãi, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp lớn, truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất thương mại.

4. Phát triển xã hội số

- Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, tổ chức các khóa học trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, không ai bị bỏ lại phía sau.

- Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEAM/STEAM/STEAME), đào tạo tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cấp học. Thực hiện đào tạo, tập huấn hướng nghiệp để học sinh có các kỹ năng sẵn sàng cho môi trường số.

- Cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCS) cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến, công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến, xây dựng Nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập, phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa.



- Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân.

- Xây dựng kế hoạch, rà soát, triển khai phương án đảm bảo phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang trên toàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp thí điểm, nhân rộng việc xây dựng, phát triển mạng 5G trên địa bàn tỉnh, tiến tới phổ cập dịch vụ mạng di động 5G. Tham gia vào chương trình quốc gia, phối hợp với các doanh nghiệp triển khai chương trình phổ cập điện thoại di động thông minh.

- Thúc đẩy phát triển không dừng tiền mặt trên địa bàn tỉnh, trước tiên là đối với cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng các giải pháp thanh toán trực tuyến trong xã hội; nâng cao tỷ lệ người dân và doanh nghiệp có tài khoản thanh toán điện tử.

- Phối hợp, khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội.

5. Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực

a) Chuyển đổi số trong y tế

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở y tế để có môi trường số cho bệnh án điện tử hoạt động. Các bệnh viện tuyến tỉnh hoàn thành hệ thống bệnh án điện tử vào năm 2025, tiến tới hoàn thành bệnh án điện tử trên toàn ngành y tế của tỉnh vào năm 2030. Các cơ sở y tế xây dựng cơ sở dữ liệu của mình phục vụ cho khám, chữa bệnh và cung cấp dữ liệu cho trung tâm dữ liệu y tế của tỉnh, chú trọng tới các hệ dữ liệu chuyên ngành.

- Xây dựng và triển khai hệ thống hồ sơ sức khỏe cá nhân theo mẫu do Bộ Y tế ban hành, đảm bảo 95% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử vào năm 2025. Phát triển các ứng dụng cung cấp kiến thức phòng bệnh, khám bệnh và chăm sóc sức khỏe để người dân có thể tra cứu thông tin dễ dàng, hiệu quả.

- Xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh thông minh, góp phần thực hiện thành công chương trình sức khỏe tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Triển khai sử dụng rộng rãi các hệ thống hỗ trợ khám, chữa bệnh thông minh với bệnh án điện tử tại các bệnh viện. Triển khai phần mềm quản lý hoạt động các trạm y tế có kết nối với các bệnh viện tuyến tỉnh để làm cơ sở cho khám chữa bệnh từ xa. Mục tiêu đến năm 2025, có ít nhất 25% cơ sở khám chữa bệnh tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có dịch vụ chăm sóc, khám, chữa bệnh từ xa.

- Triển khai việc quản lý số ngành y tế của tỉnh và cung cấp dữ liệu y tế mở cho người dân. Triển khai hệ thống thu thập dữ liệu y tế và sử dụng hiệu quả các công cụ phân tích dữ liệu khám, chữa bệnh, quản lý thuốc, nhân lực, trang thiết bị...

- Phát triển nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin và thường xuyên bổ túc kiến thức sử dụng công nghệ số cho cán bộ, nhân viên ngành y tế của tỉnh. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ thông minh trong y tế với sự kết hợp với các trường, viện nghiên cứu, doanh nghiệp; ưu tiên bố trí ngân sách cho các đề tài nghiên cứu y tế thông minh.

b) Chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo

- Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục đến đội ngũ giáo viên và học sinh; nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục qua chương trình tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên.

- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin cho ngành giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. Đến năm 2025, 100% trường học được kết nối đường truyền băng thông rộng; 100% học sinh, sinh viên các cấp được tiếp cận Internet và kho học liệu trực tuyến; xây dựng thư viện số và hệ thống học trực tuyến tại các trường đại học, cao đẳng và cơ sở giáo dục phổ thông.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới. Đến năm 2025, 100% các trường học, cơ sở giáo dục có trang thông tin điện tử cung cấp những thông tin về cơ sở vật chất, chương trình học, đội ngũ giáo viên, giảng viên.

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục bao gồm: cơ sở dữ liệu giáo dục của tỉnh kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của các trường và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để quản lý hoạt động giáo dục; triển khai hệ thống họp, hội thảo, tập huấn qua mạng. Đến năm 2025, 100% trường học, cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị nhà trường, từ quản lý học sinh, sinh viên, giáo viên, cán bộ đến quá trình học tập, thời khóa biểu.

- Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp.

c) Chuyển đổi số trong giao thông, vận tải

- Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, các đường cao tốc, quốc lộ. Mỗi phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ.

- Chuyển đổi số việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đối với công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, công tác bảo trì, công tác quản lý, tổ chức khai thác, sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông.

- Ứng dụng công nghệ thông tin đối với nhiệm vụ quản lý hệ thống giao thông đường thủy, hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông đường thủy và phương tiện vận tải đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.



- Chuyển đổi việc quản lý công tác đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe ô tô, mô tô; quản lý người điều khiển phương tiện; quản lý các hình thức giao thông công cộng như: xe buýt, taxi,...

d) Chuyển đổi số trong logistics

- Chuyển đổi hạ tầng logistics như: cảng biển, cảng thủy nội địa, hàng không, kho vận...

- Xây dựng bản đồ GIS về logistics, từng bước thiết lập đồng bộ nền tảng giao dịch số về logistics để đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước.

- Xây dựng và làm đầy đủ phiên bản số của hệ thống logistics diễn đạt trạng thái thực tất cả các công đoạn của chuỗi dịch vụ logistics: Sản xuất - Bao bì, dán nhãn - Chứng nhận xuất xứ - Vận chuyển nội địa - Hải quan - Kho bãi - Cảng, bốc xếp - Vận tải quốc tế - Kiểm tra - Giao nhận.

d) Chuyển đổi số trong tài nguyên và môi trường

- Hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu theo Quyết định số 2178/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương”.

- Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai. Xây dựng hệ thống giám sát thu gom chất thải rắn thời gian thực. Xây dựng hệ thống tính toán dữ liệu quy hoạch môi trường cho phát triển bền vững.

- Xây dựng các hệ thống dự báo, hỗ trợ ra quyết định. Ứng dụng công nghệ viễn thám, vệ tinh bản đồ 3D trong quản lý ngành tài nguyên và môi trường.

e) Chuyển đổi số trong du lịch

- Xây dựng các giải pháp về du lịch cho mọi khách du lịch từ khi tìm hiểu, đặt chân đến và rời đi khỏi tỉnh: Tiếp cận Internet tốc độ cao từ khi đặt chân đến địa bàn tỉnh; khuyến khích các điểm du lịch cung cấp các dịch vụ Internet không dây miễn phí cho tất cả khách du lịch. Nội dung về điểm đến, sản phẩm, dịch vụ du lịch được chuẩn hóa nhằm cung cấp thông tin tốt nhất đến khách du lịch. Xây dựng các ứng dụng hỗ trợ khách du lịch, ứng dụng công nghệ thực tế ảo, công nghệ trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới khác nhằm đưa đến những dịch vụ tốt nhất về trải nghiệm, tiện dụng, tăng giá trị và sức hấp dẫn đối với khách du lịch cũng như các điểm đến du lịch. Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến qua ví, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code,... ở tất cả các điểm đến du lịch.

- Xây dựng và triển khai giải pháp du lịch qua hình ảnh đối với những di tích lịch sử quan trọng của tỉnh, qua đó cung cấp những thông tin chính thống đối với những vấn đề về văn hóa, lịch sử.

- Xây dựng các hệ thống giám sát an ninh, an toàn từ xa, trung tâm thông tin và điều hành du lịch tại các điểm đến du lịch, đảm bảo hỗ trợ khách du lịch 24/7 trong mọi trường hợp cần sự trợ giúp, khẩn cấp.

- Thúc đẩy chuyển đổi số cho khách sạn và cơ sở lưu trú nhằm đạt hiệu quả cao trong việc quản lý đặt phòng, quản lý khách sạn mọi lúc, mọi nơi; kết nối với nhiều đại lý du lịch trực tuyến trong nước và quốc tế, tạo thêm cơ hội mở rộng thị trường và tăng doanh thu, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp du lịch.

- 100% công tác quản lý liên quan đến du lịch được điện tử hóa, số hóa.

g) Chuyển đổi số trong tài chính - ngân hàng

- Các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Hội sở; tăng cường kết nối ngân hàng, thúc đẩy xây dựng hệ sinh thái phục vụ tài chính - ngân hàng trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tăng cường đổi mới sáng tạo trong thiết kế và phân phối sản phẩm, dịch vụ tài chính theo hướng đơn giản, tiện lợi, dễ sử dụng, giảm chi phí, phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của mọi người dân, doanh nghiệp. Đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa, chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ.

h) Chuyển đổi số trong nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao của tỉnh theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như: đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm để mỗi người nông dân đều có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả.

- Xem xét thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số” với mục tiêu mỗi nông dân được định hướng, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, cung cấp, phân phối, dự báo về nông sản, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

- Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như: dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.



i) Chuyển đổi số trong công nghiệp, năng lượng, thương mại

- Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, khuyến khích doanh nghiệp xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, phát triển các sản phẩm thông minh.

- Chuyển đổi số trong quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng khu công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ sản xuất, kinh doanh, cung cấp các dịch vụ thông minh cho dự án thứ cấp hiện tại và sẽ đầu tư trong khu công nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng của tỉnh, ưu tiên cho hai mục tiêu là tiết kiệm năng lượng và phát triển các phương án khai thác năng lượng tái tạo trong một đô thị thông minh.

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại, tập trung phát triển thương mại điện tử, kết nối để tạo thêm các chuỗi liên kết mới giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành, xúc tiến thương mại điện tử...

6. Phát triển đô thị thông minh

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được phê duyệt tại Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Triển khai Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2020-2022, định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ưu tiên, tập trung triển khai các nhiệm vụ, dự án “Xây dựng Kiến trúc công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) phát triển Đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”; “Chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu trên nền tảng ICT, số hóa dữ liệu, tiến tới hình thành kho dữ liệu số của tỉnh”; “Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ICT sẵn sàng, đủ điều kiện tối thiểu cho phát triển các dịch vụ đô thị thông minh”; “Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành Đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” làm nền tảng cho việc xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích, quản lý thông minh trên các ngành, lĩnh vực: giáo dục, y tế, tài nguyên, môi trường, du lịch, giao thông và đảm bảo an ninh trật tự... phục vụ phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng, triển khai hệ thống quản lý, điều hành đô thị thông minh tại thành phố Vũng Tàu.

(Kèm theo Phụ lục 2: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính).

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách nhà nước;
- Nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng;
- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác;
- Nguồn kinh phí được để lại theo quy định của các đơn vị.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh

Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh (cơ quan thường trực là Sở Thông tin và Truyền thông) thường xuyên cập nhật, theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình hành động; định kỳ, đột xuất tổ chức họp Ban Chỉ đạo để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Làm cơ quan đầu mối, chuyên trách, đóng vai trò dẫn dắt chuyển đổi số của tỉnh; theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Chương trình và phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tìm phương án giải quyết, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Tham gia với các cơ quan, đơn vị, địa phương ngay sau khi Chương trình hành động được ban hành để hướng dẫn, định hướng cho từng ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và có ý kiến bằng văn bản trước khi ban hành nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Chương trình Chuyển đổi số của tỉnh.

- Chủ trì triển khai nhiệm vụ lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào Quy định đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin trong các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao về chuyển đổi số.



3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Triển khai đồng bộ, kịp thời khung pháp lý và hệ thống chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ; các quy định về sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phục vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo tinh thần đột phá, hướng đến doanh nghiệp; thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nâng cao năng suất, chất lượng, tập trung vào các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất dựa trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo.

4. Sở Nội vụ

- Tham mưu chính sách đãi ngộ, kế hoạch thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.

- Chủ trì triển khai nhiệm vụ lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tham mưu bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông và phòng chuyên môn tương ứng ở cấp huyện; phối hợp các cơ quan, đơn vị rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công nghệ thông tin ở từng cơ quan, đơn vị để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số.

5. Sở Ngoại vụ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nội dung hợp tác quốc tế về chuyển đổi số.

6. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai Chương trình Chuyển đổi số đối với các nhiệm vụ chi thuộc nguồn ngân sách tỉnh (nguồn vốn sự nghiệp).

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện Chương trình này.

8. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Các Sở ngành, địa phương (ngay sau khi Chương trình hành động được ban hành) có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng,

tham vấn ý kiến và ban hành kế hoạch tổ chức triển khai các nhiệm vụ của ngành, địa phương mình, bảo đảm hoàn thành mục tiêu, lộ trình theo Chương trình hành động; gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, theo dõi, giám sát, báo cáo Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh. **Thời gian hoàn thành sau 30 ngày kể từ ngày Chương trình hành động ban hành.**

- Có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án nền tảng, công nghệ dùng chung của tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Định kỳ hằng quý gửi báo cáo tình hình triển khai Chương trình hành động này về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh

Tham gia triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh. Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

10. Trách nhiệm của doanh nghiệp

Căn cứ định hướng trong Chương trình hành động này để chủ động xây dựng và thực hiện chuyển đổi số trong doanh nghiệp mình, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh.

11. Trách nhiệm của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, tổ dân phố, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động, tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị chủ động rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) các vướng mắc, khó khăn (nếu có) và đề xuất cập nhật, điều chỉnh, bổ sung Chương trình hành động cho phù hợp với tình hình thực tế./.



Phụ lục 1
THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, TRIỂN KHAI
XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH TẠI TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số ~~220~~ ²²⁰ /QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

I. HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- Trang thiết bị phục vụ nhu cầu làm việc của các cơ quan đơn vị được đảm bảo. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đều bố trí nguồn kinh phí đảm bảo việc mua sắm, nâng cấp, thay thế các thiết bị theo quy định. Đáp ứng chỉ tiêu duy trì 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện được trang bị máy vi tính và các thiết bị tin học cần thiết để làm việc.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng đang được các cơ quan, đơn vị duy trì để đáp ứng việc vận hành, kết nối các ứng dụng dùng chung, như: phần mềm một cửa, quản lý văn bản và điều hành... và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong quá trình trao đổi, gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng. 100% các cơ quan, đơn vị đều kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng với tốc độ băng thông 30Mbps đối với Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh, 10Mbps đối với các sở, ban, ngành và cấp huyện, 4Mbps đối với cấp xã.

- Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh đã được đưa vào vận hành từ quý IV/2019 theo công nghệ điện toán đám mây và đặt tại Công ty QTSC Telecom nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng, phát triển cũng như đảm bảo an toàn thông tin theo quy định.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh: đã triển khai và đưa vào sử dụng Dự án mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã, bao gồm 51 điểm cầu sử dụng thiết bị (trong đó 33 điểm cầu theo dự án thuê dịch vụ hội nghị truyền hình, 18 điểm cầu hiện có của các cơ quan, đơn vị khối đảng và nhà nước) và tối đa 50 điểm cầu có thể sử dụng phần mềm họp trực tuyến.

II. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG NỘI BỘ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Ứng dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành

Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đã được đầu tư mới theo hình thức thuê dịch vụ và triển khai đến 21 sở, ban, ngành; 08 UBND huyện, thị xã, thành phố; 82 xã, phường, thị trấn và một số cơ quan cấp tỉnh, đơn vị trực thuộc cấp sở, cấp huyện. Hoàn thành chỉ tiêu 100% cơ quan nhà nước sử dụng phần mềm và chỉ tiêu

100% các văn bản hồ sơ không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh; 80% các văn bản, hồ sơ trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị được thực hiện hoàn toàn dưới dạng điện tử.

Phần mềm được kết nối vào Trục kết nối, liên thông của tỉnh, đáp ứng việc liên thông 04 cấp (Trung ương-Tỉnh-Huyện-Xã), đáp ứng các yêu cầu của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông. Hiện tại, trên 95% văn bản được phát hành thông qua phần mềm, trừ một số văn bản mật và văn bản đặc thù, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm văn bản và lưu trữ hồ sơ.

2. Ứng dụng chữ ký số, chứng thư số

100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị đều đã được cấp phát. Đến cuối năm 2020, Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp phát 1.457 chữ ký số cho cá nhân và 445 chứng thư số cho tổ chức là các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, phục vụ việc ký số các văn bản điện tử. 100% các cơ quan, đơn vị sử dụng chữ ký số trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành; các hệ thống thông tin của kho bạc, bảo hiểm xã hội...

3. Thư điện tử công vụ

Hệ thống Thư điện tử công vụ của tỉnh đáp ứng các yêu cầu về tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật và đang hoạt động ổn định. Tổng số hộp thư điện tử của tỉnh hơn 6.000 tài khoản, hầu hết thư công vụ của CBCCVC và của các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã đều đã được cấp đầy đủ; đáp ứng chỉ tiêu 90% CBCCVC sử dụng thư công vụ trong trao đổi công việc, góp phần tiết kiệm thời gian, giấy tờ, trao đổi công việc nhanh chóng, thuận tiện. Ngoài ra, việc sử dụng thư công vụ cũng đảm bảo về an toàn, bảo mật thông tin.

4. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị đã được triển khai và đưa vào sử dụng nhằm phục vụ công tác chuyên môn; góp phần nâng cao chất lượng hoạt động quản lý và điều hành. Đến cuối năm 2020, các sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Du lịch, Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh... đã triển khai các ứng dụng chuyên ngành theo Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

III. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

1. Trang/Cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị

100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đều có Trang thông tin điện tử. Việc cập nhật thông tin chỉ đạo điều hành, các bài viết về hoạt động chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP đều được các cơ quan,



đơn vị quan tâm thực hiện. Hiện tại, một vài trang thông tin điện tử chưa có chức năng đọc bài viết hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận thông tin, chức năng cho phép người dân đánh giá chất lượng phục vụ của cá nhân, tổ chức, đánh giá và xếp hạng đối với một số nội dung thông tin mà cơ quan cung cấp...

2. Phần mềm Một cửa điện tử tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các cấp

Tỉnh đã xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm Một cửa điện tử thông, hiện đã triển khai đến 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã. Phần mềm đã kết nối, liên thông với nhau, liên thông 03 cấp trên toàn tỉnh, kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia qua Trục kết nối, liên thông của tỉnh theo quy định. 100% hồ sơ thủ tục được tiếp nhận và xử lý qua phần mềm, tỷ lệ hồ sơ đúng hạn trên 95%.

3. Dịch vụ công trực tuyến

- Việc cung ứng dịch vụ công mức độ 3, 4 trên môi trường mạng đã được triển khai tại hầu hết các sở ban, ngành (không bao gồm Văn phòng UBND tỉnh và Thanh tra tỉnh do tính đặc thù), 100% các huyện, thị xã, thành phố và 100% đơn vị cấp xã.

Đến cuối năm 2020, Cổng dịch vụ công của tỉnh đã cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến; trong đó 36% mức 2 với 2.151 thủ tục (trong đó cấp tỉnh: 1.748; cấp huyện: 274 và cấp xã: 129); 11% mức độ 3 với 233 thủ tục (trong đó cấp tỉnh: 221; cấp huyện: 12); 53% mức độ 4 với 1.145 thủ tục (trong đó cấp tỉnh: 774; cấp huyện: 252 và cấp xã: 119); vượt qua chỉ tiêu theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh về cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

IV. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được duy trì hàng năm với các nội dung như: kỹ năng sử dụng máy tính hiệu quả, kỹ năng cơ bản công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, an toàn thông tin cơ bản cho đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; các lớp về an toàn thông tin nâng cao, diễn tập tác chiến được duy trì tổ chức cho đối tượng là tổ chuyên trách an toàn thông tin và đội ứng cứu sự cố của tỉnh.

- Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin được quan tâm duy trì hoạt động tốt. Trong giai đoạn 2015 – 2020, tỉnh không ghi nhận cuộc tấn công nào lớn, gây thiệt hại, hậu quả nghiêm trọng. Một số hoạt động nổi bật như: duy trì sự phối hợp với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC), Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT/CC); tổ chức các hội nghị, hội thảo về an toàn thông tin cho các đối tượng; đánh giá, xác định cấp độ cho các hệ thống thông tin của tỉnh. Hệ thống phòng chống vi-rút tập trung của tỉnh được

duy trì và đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu, thông tin mã độc với Cục An toàn thông tin theo Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, qua đó thực hiện giám sát, phát hiện và kịp thời tiêu diệt, cách ly, kiểm soát nguồn lây, phát tán các loại mã độc, Ransomware, vi-rút máy tính... hạn chế tối đa khả năng bùng phát ở mức độ nghiêm trọng.

V. XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Định hướng trong xây dựng đô thị thông minh được lãnh đạo tỉnh quan tâm. Bước đầu đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 thông qua đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2020 – 2022, định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đề án đã xác định mục cụ thể cho từng giai đoạn:

- Giai đoạn 2020-2022

+ Hoàn thành việc xây dựng các cơ sở pháp lý phục vụ cho việc phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh theo đúng định hướng, quy chuẩn thống nhất.

+ Hoàn thành cơ bản việc phát triển Chính quyền điện tử theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ làm nòng cốt để xây dựng đô thị thông minh.

+ Hình thành Kho dữ liệu số của tỉnh bao gồm các dữ liệu nền tảng, dữ liệu chia sẻ, tích hợp và dữ liệu chuyên ngành.

+ Hoàn thành việc xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật ICT tối thiểu phục vụ phát triển đô thị thông minh, tập trung vào các lĩnh vực và địa bàn triển khai.

+ Hoàn thành việc xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh - giai đoạn 1.

+ Xây dựng, đưa vào vận hành một số dịch vụ, tiện ích đô thị thông minh quan trọng, ưu tiên các lĩnh vực phục vụ trực tiếp cho người dân gồm: y tế, giáo dục, tài nguyên môi trường, giao thông vận tải, an ninh trật tự, du lịch (trước mắt tập trung triển khai trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, sau đó mở rộng ra các khu vực đô thị khác của tỉnh).

+ Thực hiện phát triển đô thị thông minh cấp đô thị đối với thành phố Vũng Tàu.

+ Nâng cao nhận thức về phát triển đô thị thông minh, tạo niềm tin cho người dân an tâm và tin tưởng khi sử dụng dịch vụ đô thị thông minh; Đảm bảo 100% người dân đô thị có thể tiếp cận thông tin về dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức năng động, đủ kiến thức, trình độ công nghệ thông tin theo yêu cầu để tham gia vào quá trình phát triển, vận hành đô thị thông minh.



- Giai đoạn 2023-2025: Phần đầu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành xây dựng đô thị thông minh của tỉnh, thông minh hóa các ứng dụng trong quản lý, điều hành và các ứng dụng thông minh phục vụ cho doanh nghiệp, người dân và du khách. Chuyển quản lý đô thị từ truyền thống sang quản lý trên dữ liệu số.

- Mục tiêu đến năm 2030, Bà Rịa-Vũng Tàu tiệm cận được với các đô thị thông minh trong khu vực và trên thế giới dựa trên 6 lĩnh vực chủ yếu: Nền kinh tế thông minh; Quản trị thông minh; Môi trường thông minh; Giao thông thông minh; Cư dân thông minh; Cuộc sống văn minh và một số lĩnh vực khác.

Việc triển khai đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại Quyết định 716/QĐ-UBND ngày 22/3/2021. Quá trình triển khai các nhiệm vụ, dự án theo Quyết định đang được các Sở, ngành, địa phương liên quan khẩn trương thực hiện./.



Phụ lục 2

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐÔ THỊ THÔNG MINH GẮN VỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

A. THEO NHÓM NHIỆM VỤ:

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Nhóm nhiệm vụ nền móng				
1.	Tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Hàng năm	
2.	Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Hàng năm	
3.	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở ngành, địa phương, cơ quan đảng, đoàn thể, các cơ quan truyền thông	Hàng năm	
4.	Lựa chọn một xã/phường/thị trấn để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như: truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các cơ quan truyền thông	Hàng năm	
5.	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng, đường truyền, mạng truyền số liệu chuyên dùng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành và địa phương; các doanh nghiệp viễn thông	Hàng năm	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
6.	Chuyển đổi sang sử dụng giao thức Internet thế hệ mới IPv6.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2023	
7.	Xây dựng Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2023	
8.	Hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2023	
9.	Triển khai các nền tảng từ Trung ương và các nền tảng khác theo Danh mục nền tảng phục vụ chuyển đổi số quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.	Các sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý IV/2025	
10.	Bổ sung chức năng, nhiệm vụ tham mưu về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông và phòng chuyên môn tương ứng ở cấp huyện. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công nghệ thông tin ở từng cơ quan, đơn vị để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống CNTT, thực hiện chuyển đổi số.	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2022	
11.	Đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Hàng năm	
12.	Tham mưu chính sách đãi ngộ, kế hoạch thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2024	
II	Nhóm nhiệm vụ phát triển chính quyền số				
13.	Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công của tỉnh kết nối đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia, phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Chính phủ; Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	



Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
14.	Phát triển, hoàn thiện phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh, kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các bộ ngành; Văn phòng UBND tỉnh; các sở ngành, địa phương	Hàng năm	
15.	Xây dựng, triển khai hệ thống Tổng đài tự động CALLBOT giải đáp các thủ tục hành chính công của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; các sở ngành, địa phương	Quý IV/2022	
16.	Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân.	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
17.	Ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
18.	Phát triển Kho dữ liệu dùng chung và Hệ sinh thái dữ liệu mở.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2025	
19.	Kế hoạch số hóa hồ sơ các ngành, lĩnh vực và khai thác dữ liệu số hóa phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước.	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
20.	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành.	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
21.	Xây dựng các cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường theo lộ trình được ban hành tại Quyết định số 2178/QĐ-TTg.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2025	
22.	Hoàn thiện, mở rộng ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) vào công tác lập, quản lý quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị trên địa bàn tỉnh.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2022	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
III	Nhóm nhiệm vụ phát triển kinh tế số				
23.	Triển khai đồng bộ, kịp thời khung pháp lý và hệ thống chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ nhằm phát triển thương mại, đầu tư, kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	
24.	Triển khai các quy định về sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phục vụ chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và địa phương; doanh nghiệp	Hàng năm	
25.	Chương trình phát triển thương mại điện tử của tỉnh giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
26.	Chuyển đổi số trong từng doanh nghiệp nhà nước của tỉnh.	Các doanh nghiệp nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
27.	Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2019-2025; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 04/8/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025; trong đó, chú trọng đẩy mạnh hỗ trợ các nội dung về công nghệ, đổi mới sáng tạo,...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	
28.	Xây dựng chính sách hỗ trợ khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021-2030, theo tinh thần đột phá, hướng đến doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2021	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
29.	Tăng cường thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo nâng cao năng suất, chất lượng, tập trung vào các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất dựa trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	
30.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp (phần đầu cung cấp 100% dịch vụ công mức 4 liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp, 100% trường trọng điểm phải thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn, 30% trường trung cấp, cao đẳng triển khai nền tảng dạy nghề trực tuyến).	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành và địa phương; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	2025	
IV	Nhóm nhiệm vụ phát triển xã hội số				
31.	Tổ chức đào tạo, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất.	Các doanh nghiệp viễn thông; Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Sở Nội vụ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
32.	Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
33.	Phát triển mạng 5G trên địa bàn tỉnh.	Các doanh nghiệp viễn thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Theo Kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông	
34.	Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử.	Ngân hàng nhà nước	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	
IV	Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực				
35.	Chuyển đổi số trong y tế.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
36.	Chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
37.	Chuyển đổi số trong giao thông vận tải.	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
38.	Chuyển đổi số trong tài nguyên và môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
39.	Chuyển đổi số trong du lịch.	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
40.	Chuyển đổi số trong tài chính - ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	Doanh nghiệp tài chính, ngân hàng; các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
41.	Chuyển đổi số trong nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
42.	Chuyển đổi số trong công nghiệp, năng lượng, thương mại.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành và địa phương, doanh nghiệp	Quý IV/2025	
43.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, vận hành, khai thác hạ tầng khu công nghiệp.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2023	
44.	Chuyển đổi số trong logistics.	Sở Công Thương; Sở Giao thông vận tải; Hải quan	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
VI	Nhóm nhiệm vụ phát triển đô thị thông minh				
45.	Thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Tháng 5/2021	
46.	Triển khai có hiệu quả Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 950/QĐ-TTg phê	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Các đơn vị liên quan: Sở Xây dựng; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ...	Quý IV/2025	



Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	đuyệt “Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030” trên địa bàn tỉnh.				
47.	Xây dựng Kiến trúc công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý II/2021	
48.	Chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu trên nền tảng ICT, số hóa dữ liệu, tiến tới hình thành kho dữ liệu số của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
49.	Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ICT sẵn sàng, đủ điều kiện tối thiểu cho phát triển các dịch vụ đô thị thông minh (giai đoạn 1).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
50.	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành Đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
51.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý Giáo dục thông minh (giai đoạn 1).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
52.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý Y tế thông minh (giai đoạn 1).	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
53.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý tài nguyên và môi trường thông minh (giai đoạn 1)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
54.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý và hỗ trợ Du lịch thông minh (giai đoạn 1).	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
55.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích thông minh phục vụ quản lý Giao thông (giai đoạn 1).	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
56.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích thông minh phục vụ quản lý an ninh trật tự (giai đoạn 1)	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
57.	Xây dựng, triển khai hệ thống quản lý, điều hành đô thị thông minh tại thành phố Vũng Tàu.	Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
VII	Nhóm nhiệm vụ thực hiện Chương trình hành động giữa Bộ Thông tin và Truyền thông với tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:				
58.	Phối hợp đặt dữ liệu trên nền tảng Cloud của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý II/2021	
59.	Triển khai các giải pháp nhằm đạt các mục tiêu: Tỷ lệ điện thoại thông minh/số thuê bao động đạt 100%; Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang đạt 100%.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý IV/2022	
60.	Cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2021	
61.	Triển khai thu thập, đánh giá mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến để xác định phương án rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2021	
62.	Vận hành thử nghiệm Trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành	Quý III/2021	
63.	Phát triển du lịch thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu dựa trên nền tảng số.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Du lịch	Quý IV/2021	
64.	Triển khai bộ công cụ phòng chống sự lây lan của dịch bệnh.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Y tế	Quý II/2021	
65.	Triển khai dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Y tế	Quý IV/2021	
66.	Kết nối và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành	Quý III/2021	



Phụ lục 2A

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐÔ THỊ THÔNG MINH GẮN VỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

B. THEO TIẾN ĐỘ HOÀN THÀNH:

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Nhiệm vụ thường xuyên, hàng năm:				
1.	Tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Hàng năm	
2.	Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Hàng năm	
3.	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở ngành, địa phương, cơ quan đảng, đoàn thể, các cơ quan truyền thông	Hàng năm	
4.	Lựa chọn một xã/phường/thị trấn để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như: truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các cơ quan truyền thông	Hàng năm	
5.	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng, đường truyền, mạng truyền số liệu chuyên dùng.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành và địa phương; các doanh nghiệp viễn thông	Hàng năm	

✓

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
6.	Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công của tỉnh kết nối đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia, phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng Chính phủ, Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
7.	Phát triển, hoàn thiện phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh, kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các bộ ngành; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành, địa phương	Hàng năm	
8.	Đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Hàng năm	
9.	Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân.	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
10.	Ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
11.	Kế hoạch số hóa hồ sơ các ngành, lĩnh vực và khai thác dữ liệu số hóa phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước.	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
12.	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành.	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
13.	Triển khai đồng bộ, kịp thời khung pháp lý và hệ thống chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ nhằm phát triển thương mại, đầu tư, kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	
14.	Triển khai các quy định về sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phục vụ chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và địa phương; doanh nghiệp	Hàng năm	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
15.	Tăng cường thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng/khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nâng cao năng suất, chất lượng, tập trung vào các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất dựa trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	
16.	Chuyển đổi số trong từng doanh nghiệp nhà nước của tỉnh.	Các doanh nghiệp nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
17.	Tổ chức đào tạo, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất.	Các doanh nghiệp viễn thông; Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Sở Nội vụ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
18.	Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm	
19.	Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử.	Ngân hàng nhà nước	Các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	
20.	Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2019-2025; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 04/8/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025; trong đó, chú trọng đẩy mạnh hỗ trợ các nội dung về công nghệ, đổi mới sáng tạo,...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các sở, ban, ngành và địa phương	Hàng năm	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
21.	Phát triển mạng 5G trên địa bàn tỉnh.	Các doanh nghiệp viễn thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Theo Kế hoạch của Bộ Thông tin và Truyền thông	
II	Năm 2021:				
22.	Phối hợp đặt dữ liệu trên nền tảng Cloud của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý II/2021	
23.	Triển khai bộ công cụ phòng chống sự lây lan của dịch bệnh.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Y tế	Quý II/2021	
24.	Thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Tháng 5/2021	
25.	Xây dựng Kiến trúc công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý III/2021	
26.	Cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2021	
27.	Triển khai thu thập, đánh giá mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến để xác định phương án rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2021	
28.	Vận hành thử nghiệm trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành	Quý III/2021	
29.	Kết nối và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành	Quý III/2021	
30.	Phát triển du lịch thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu dựa trên nền tảng số.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Du lịch	Quý IV/2021	



STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
31.	Triển khai dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Y tế	Quý IV/2021	
32.	Xây dựng chính sách hỗ trợ khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021-2030, theo tinh thần đột phá, hướng đến doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2021	
III	Năm 2022:				
33.	Hoàn thiện, mở rộng ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) vào công tác lập, quản lý quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị trên địa bàn tỉnh.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2022	
34.	Triển khai các giải pháp nhằm đạt các mục tiêu: Tỷ lệ điện thoại thông minh/số thuê bao động đạt 100%; Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang đạt 100%.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý IV/2022	
35.	Xây dựng, triển khai hệ thống Tổng đài tự động CALLBOT giải đáp các thủ tục hành chính công của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; các sở ngành, địa phương	Quý IV/2022	
36.	Bổ sung chức năng, nhiệm vụ tham mưu về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông và phòng chuyên môn tương ứng ở cấp huyện. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công nghệ thông tin ở từng cơ quan, đơn vị để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số.	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2022	
37.	Chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu trên nền tảng ICT, số hóa dữ liệu, tiến tới hình thành kho dữ liệu số của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
38.	Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ICT sẵn sàng, đủ điều kiện tối thiểu cho phát triển các dịch vụ đô thị thông minh (giai đoạn 1).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
39.	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành Đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
40.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý Giáo dục thông minh (giai đoạn 1).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
41.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý Y tế thông minh (giai đoạn 1).	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
42.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý Tài nguyên và Môi trường thông minh (giai đoạn 1).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
43.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý và hỗ trợ Du lịch thông minh (giai đoạn 1).	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
44.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích thông minh phục vụ quản lý Giao thông (giai đoạn 1).	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
45.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích thông minh phục vụ quản lý an ninh trật tự (giai đoạn 1)	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
46.	Xây dựng, triển khai hệ thống quản lý, điều hành đô thị thông minh tại thành phố Vũng Tàu.	Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2022	
IV	Năm 2023:				
47.	Chuyển đổi sang sử dụng giao thức Internet thế hệ mới IPv6.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2023	
48.	Xây dựng Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2023	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
49.	Hoàn thiện Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2023	
50.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, vận hành, khai thác hạ tầng khu công nghiệp.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2023	
V	Năm 2024:				
51.	Tham mưu chính sách đãi ngộ, kế hoạch thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao phục vụ chuyển đổi số của tỉnh.	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2024	
VI	Năm 2025:				
52.	Phát triển Kho dữ liệu dùng chung và Hệ sinh thái dữ liệu mở.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2025	
53.	Xây dựng các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo lộ trình được ban hành tại Quyết định số 2178/QĐ-TTg.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý III/2025	
54.	Triển khai các nền tảng từ Trung ương và các nền tảng khác theo Danh mục nền tảng phục vụ chuyển đổi số quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.	Các sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý IV/2025	
55.	Chương trình phát triển thương mại điện tử của tỉnh giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
56.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp (phần đầu cung cấp 100% dịch vụ công mức 4 liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp, 100% trường trọng điểm phải thực hiện chuyển đổi số hoàn toàn, 30% trường trung cấp, cao đẳng triển khai nền tảng dạy nghề trực tuyến).	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành và địa phương; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Quý IV/2025	

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
57.	Chuyển đổi số trong y tế.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
58.	Chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
59.	Chuyển đổi số trong giao thông vận tải.	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
60.	Chuyển đổi số trong tài nguyên và môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
61.	Chuyển đổi số trong du lịch.	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
62.	Chuyển đổi số trong tài chính - ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Doanh nghiệp tài chính, ngân hàng; các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
63.	Chuyển đổi số trong nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
64.	Chuyển đổi số trong công nghiệp, năng lượng, thương mại.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành và địa phương, doanh nghiệp	Quý IV/2025	
65.	Chuyển đổi số trong logistics.	Sở Công Thương; Sở Giao thông vận tải; Hải quan	Các sở, ban, ngành và địa phương	Quý IV/2025	
66.	Triển khai có hiệu quả Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 950/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030” trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Các đơn vị liên quan: Sở Xây dựng; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nội vụ...	Quý IV/2025	